

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 17



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ

Tầng 7, tòa nhà 46-48, Quận Hoàn Kiếm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, thay thế Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Nguyên  
Quyền Tổng Giám đốc  
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 27 tháng 03 năm 2017

Số: 340/BCKT/TC/NV9

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2017, từ trang 04 đến trang 17, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Nguyễn Bảo Trung****Phó Tổng Giám đốc**Giấy chứng nhận đăng ký  
hành nghề kiểm toán số 0373-2014-126-1**Thay mặt và đại diện cho****Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)**

Ngày 29 tháng 03 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Thành Công****Kiểm toán viên**Giấy chứng nhận đăng ký  
hành nghề kiểm toán số 1912-2014-126-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>16.668.714.081</b>	<b>16.790.100.611</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>16.580.984.338</b>	<b>16.686.420.263</b>
1. Tiền	111		16.580.984.338	16.686.420.263
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.535.193</b>	<b>55.214.078</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	17.385.193	52.014.078
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	4.150.000	3.200.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>66.194.550</b>	<b>48.466.270</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	7	66.194.550	48.466.270
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>16.668.714.081</b>	<b>16.790.100.611</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>33.456.250</b>	<b>79.529.609</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>33.456.250</b>	<b>79.529.609</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		-	-
4. Phải trả người lao động	314		8.706.250	25.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	8	24.750.000	24.750.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	9	-	29.779.609
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
4. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
<b>D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>	<b>10</b>	<b>16.635.257.831</b>	<b>16.710.571.002</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>16.635.257.831</b>	<b>16.710.571.002</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
3. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.364.742.169)	(8.289.428.998)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(8.289.428.998)	(8.211.181.769)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) năm nay	421b		(75.313.171)	(78.247.229)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>16.668.714.081</b>	<b>16.790.100.611</b>

  
Nguyễn Văn Anh  
Người lập biểu  
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 27 tháng 03 năm 2017

  
Nguyễn Văn Anh  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Kim Nguyên  
Quyền Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Mã số	Năm	
			2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11	01	248.549.832	233.789.078
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>		10	<b>248.549.832</b>	<b>233.789.078</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		11	-	-
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>		20	<b>248.549.832</b>	<b>233.789.078</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	12	21	7.752.088	45.146.781
7. Chi phí tài chính		22	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	-	-
8. Chi phí bán hàng		24	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13	25	305.800.546	357.141.769
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>		30	<b>(49.498.626)</b>	<b>(78.205.910)</b>
11. Thu nhập khác		31	-	-
12. Chi phí khác	14	32	25.814.545	41.319
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>		40	<b>(25.814.545)</b>	<b>(41.319)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>		50	<b>(75.313.171)</b>	<b>(78.247.229)</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		51	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		52	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>		60	<b>(75.313.171)</b>	<b>(78.247.229)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		70	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	15	71	(30,13)	(31,30)



Nguyễn Văn Anh  
Người lập biểu  
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 27 tháng 03 năm 2017



Nguyễn Văn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Nguyên  
Quyền Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	283.178.717	181.775.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(62.200.546)	(81.891.769)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(250.618.750)	(300.000.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(17.728.280)	(4.861.085)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.000.000	12.204.029.167
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(66.819.154)	(12.229.752.775)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(113.188.013)</b>	<b>(230.701.462)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24	-	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.752.088	45.146.781
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>7.752.088</b>	<b>45.146.781</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(105.435.925)</b>	<b>(185.554.681)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>16.686.420.263</b>	<b>16.871.974.944</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>16.580.984.338</b>	<b>16.686.420.263</b>

Nguyễn Văn Anh  
 Người lập biểu  
 Hà Nội, Việt Nam  
 Ngày 27 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Văn Anh  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Nguyên  
 Quyền Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ**Tầng 7, tòa nhà 46-48, Quận Hoàn Kiếm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Mẫu BC05-CTQ**

(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ tại		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2015	01/01/2016	Kỳ trước		Kỳ này		31/12/2015	31/12/2016
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối Cộng	VIII	(8.211.181.769) 16.788.818.231	(8.289.428.998) 16.710.571.002	(78.247.229) (78.247.229)	-	(75.313.171) (75.313.171)	-	(8.289.428.998) 16.710.571.002	(8.364.742.169) 16.635.257.831

Nguyễn Văn Anh  
Người lập biểu  
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 27 tháng 03 năm 2017Nguyễn Văn Anh  
Kế toán trưởngNguyễn Kim Nguyên  
Quyền Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ An Phú được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015273 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động số 17/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 12 năm 2006; Giấy phép bổ sung số 240/QĐ-UBCK ngày 02 tháng 04 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 19/UBCK-GPĐC ngày 18 tháng 08 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 55/UBCK-GPĐC ngày 04 tháng 12 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh số 61/UBCK-GPĐC ngày 01 tháng 02 năm 2010 và Giấy điều chỉnh số 20/UBCK-GPĐC ngày 27 tháng 10 năm 2011. Theo Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 29 tháng 08 năm 2012 đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ An Phú thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Quốc tế. Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC – UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 02 năm 2015 theo đó trụ sở công ty chuyển về Tầng 7, tòa nhà 46-48 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 7, Tòa nhà 46-48, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi năm tỷ đồng chẵn); mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương đương 2.500.000 cổ phần.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt nam (VND)

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng theo thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính:

**1.1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi

phí trong suốt năm tài chính [kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## **1.2. Công cụ tài chính**

### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **1.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## **1.4. Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## **1.5. Vốn chủ sở hữu**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu chưa có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phân chênh lệch.

## **1.6. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## **1.7. Ghi nhận doanh thu**

### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **1.8. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

<b>4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>				
		<u>31/12/2016</u>		<u>31/12/2015</u>
		VND		VND
Tiền mặt		47.842.521		171.821.390
Tiền gửi ngân hàng		16.533.141.817		16.514.598.873
		<b><u>16.580.984.338</u></b>		<b><u>16.686.420.263</u></b>
<b>5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG</b>				
		<u>31/12/2016</u>		<u>31/12/2015</u>
		VND		VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		<b>17.385.193</b>		<b>52.014.078</b>
Lê Duy Phúc		6.128.307		34.956.193
Nguyễn Đức Thắng		4.274.943		982.734
Nguyễn Hồng Trang		6.981.943		16.075.151
		<b><u>17.385.193</u></b>		<b><u>52.014.078</u></b>
<b>6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC</b>				
		<u>31/12/2016</u>		<u>31/12/2015</u>
		VND		VND
a. Ngắn hạn				
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn		4.150.000		1.000.000
Tạm ứng		-		2.200.000
Cộng		<b><u>4.150.000</u></b>		<b><u>3.200.000</u></b>
<b>7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC</b>				
	Tại ngày	Số phát sinh	Số đã nộp trong	Tại ngày
	01/01/2016	trong năm	năm	31/12/2016
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.466.270	-	17.728.280	66.194.550
Cộng	<b><u>48.466.270</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>17.728.280</u></b>	<b><u>66.194.550</u></b>
<b>8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ</b>				
		<u>31/12/2016</u>		<u>31/12/2015</u>
		VND		VND
Ngắn hạn				
Trích trước chi phí kiểm toán		24.750.000		24.750.000
		<b><u>24.750.000</u></b>		<b><u>24.750.000</u></b>
<b>9. PHẢI TRẢ PHẢI NỢ KHÁC</b>				
		<u>31/12/2016</u>		<u>31/12/2015</u>
		VND		VND
a. Ngắn hạn				
Phải trả về Kinh phí Công đoàn		-		-
Phải trả về các khoản bảo hiểm		-		29.779.609
Cộng		<b><u>-</u></b>		<b><u>29.779.609</u></b>

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	25.000.000.000	(8.211.181.769)	16.788.818.231
Lợi nhuận trong năm	-	(78.247.229)	(78.247.229)
Khác	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2016	25.000.000.000	(8.289.428.998)	16.710.571.002
Tăng vốn trong năm	0	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	(75.313.171)	(75.313.171)
Số dư tại ngày 31/12/2016	25.000.000.000	(8.364.742.169)	16.635.257.831

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	Tỷ lệ	31/12/2015	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bà Nguyễn Thị Loan	16.000.000.000	64,00%	16.000.000.000	64,00%
Ông Trần Văn Kỳ	6.520.000.000	26,08%	6.520.000.000	26,08%
Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình	2.480.000.000	9,92%	2.480.000.000	9,92%
	25.000.000.000	100%	25.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND)		

11. DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu phí quản lý tài sản	248.549.832	233.789.078
	248.549.832	233.789.078

**12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.752.088	45.146.781
	<b>7.752.088</b>	<b>45.146.781</b>

**13. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí lương nhân viên quản lý	239.200.000	300.000.000
Chi phí kiểm toán	49.500.000	49.500.000
Thuế, phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí quản lý khác	14.100.546	4.641.769
	<b>305.800.546</b>	<b>357.141.769</b>

**14. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền phạt chậm nộp thuế TNDN	41.319	41.319
Tiền phạt vi phạm hành chính	25.814.545	-
	<b>25.855.864</b>	<b>41.319</b>

**15. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(75.313.171)	(78.247.229)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.500.000	2.500.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(30,13)</b>	<b>(31,30)</b>

**16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu/ các cổ đông/ Tập đoàn (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(16.580.984.338)	(16.686.420.263)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	16.635.257.831	16.710.571.002
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

(Giá trị ghi sổ = Giá gốc - các khoản dự phòng)

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.580.984.338	16.686.420.263
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.535.193	55.214.078
	<b>16.602.519.531</b>	<b>16.741.634.341</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay, nợ	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	-	29.779.609
Chi phí phải trả	24.750.000	24.750.000
	<b>24.750.000</b>	<b>54.529.609</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này. [hoặc: Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.



**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu [các cổ đông] cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>			-
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.580.984.338	-	16.580.984.338
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.535.193	-	21.535.193
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
	<b>16.602.519.531</b>	<b>-</b>	<b>16.602.519.531</b>
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	-	-	-
Chi phí phải trả	24.750.000	-	24.750.000
	<b>24.750.000</b>	<b>-</b>	<b>24.750.000</b>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<b>16.577.769.531</b>	<b>-</b>	<b>16.577.769.531</b>
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.686.420.263	-	16.686.420.263
Phải thu khách hàng và phải thu khác	55.214.078	-	55.214.078
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
	<b>16.741.634.341</b>	<b>-</b>	<b>16.741.634.341</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	29.779.609	-	29.779.609
Chi phí phải trả	24.750.000	-	24.750.000
	<b>54.529.609</b>	<b>-</b>	<b>54.529.609</b>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<b>16.687.104.732</b>	<b>-</b>	<b>16.687.104.732</b>

17. **NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Bất động sản Hồ Gươm (Tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh vàng Quốc tế)

**Mối quan hệ**

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần quản lý Quỹ Quốc tế hiện đang đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT của công ty đồng thời là Phó chủ tịch của Công ty Cổ phần Bất động sản Hồ Gươm (Tên cũ Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh vàng Quốc tế)

18. **SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

19. **SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).



Nguyễn Văn Anh  
Người lập biểu  
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 27 tháng 03 năm 2017



Nguyễn Văn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Nguyên  
Quyền Tổng Giám đốc

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ An Phú được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015273 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động số 17/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 12 năm 2006; Giấy phép bổ sung số 240/QĐ-UBCK ngày 02 tháng 04 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 19/UBCK-GPĐC ngày 18 tháng 08 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 55/UBCK-GPĐC ngày 04 tháng 12 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh số 61/UBCK-GPĐC ngày 01 tháng 02 năm 2010 và Giấy điều chỉnh số 20/UBCK-GPĐC ngày 27 tháng 10 năm 2011. Theo Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 29 tháng 08 năm 2012 đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ An Phú thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Quốc tế. Giấy phép điều chỉnh số 04/GPDC – UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 02 năm 2015 theo đó trụ sở công ty chuyển về Tầng 7, tòa nhà 46-48 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 7, Tòa nhà 46-48, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi năm tỷ đồng chẵn); mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương đương 2.500.000 cổ phần.. Danh sách các cổ đông sáng lập gồm có:

<b>TT</b>	<b>Tên cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Trị giá vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ</b>
1.	Nguyễn Thị Loan	1.600.000	16.000.000.000	64,00%
2.	Trần Văn Kỳ	652.000	6.520.000.000	26,08%
3.	Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình	248.000	2.480.000.000	9,92%

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Thị Loan	Chủ tịch
Ông Trần Anh Quân	Ủy viên
Bà Nguyễn Ngọc Dung	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Lan	Ủy Viên
Bà Trịnh Ngọc Duyên	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Nguyễn Kim Nguyên	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban kiểm soát**

Ông Trần Hùng Cường	Trưởng ban kiểm soát
---------------------	----------------------

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.